

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 10 như sau:

“b) Có kinh nghiệm hoạt động quốc tế, được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế xếp hạng như sau:

(i) Triển vọng từ mức ổn định trở lên;

(ii) Thứ hạng tín nhiệm từ mức AA- trở lên (theo Standard & Poor's hoặc Fitch Ratings) hoặc từ mức Aa3 trở lên (theo Moody's). Trường hợp tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế có thang thứ hạng tín nhiệm khác thang thứ hạng tín nhiệm của Standard & Poor's hoặc Moody's hoặc Fitch Ratings thì tổ chức xếp

hạng tín nhiệm quốc tế đó phải chuyển đổi thứ hạng tín nhiệm tương ứng, phù hợp với thang thứ hạng tín nhiệm của Standard & Poor's hoặc Moody's hoặc Fitch Ratings.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 18a (đã được bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Thông tư số 17/2017/TT-NHNN ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN) như sau:

“3. Đối với các nội dung hoạt động quy định tại khoản 26 Điều 4 Mẫu Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại (Phụ lục 01a) và khoản 24 Điều 4 Mẫu Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Phụ lục 01b), ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện sau khi có sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước; thủ tục, cấp bổ sung các nội dung hoạt động này vào Giấy phép thực hiện theo quy định riêng của Ngân hàng Nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan.”

3. Bổ sung Điều 19a vào sau Điều 19 như sau:

“Điều 19a. Hoạt động theo pháp luật về chứng khoán

1. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện hoạt động đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp tại thị trường trong nước và hoạt động đại lý quản lý tài sản bảo đảm trong hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp tại thị trường trong nước khi Giấy phép mà Ngân hàng Nhà nước cấp cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có nội dung đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, quản lý tài sản. Trường hợp ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện hoạt động đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp tại thị trường trong nước cam kết với nhà đầu tư về việc mua lại trái phiếu doanh nghiệp thì phải ký hợp đồng với nhà đầu tư (trong đó nêu rõ điều kiện, điều khoản về việc mua lại trái phiếu) và phải tuân thủ quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua, bán trái phiếu doanh nghiệp và các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng khi thực hiện các cam kết này.

2. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện hoạt động mua, bán trái phiếu Chính phủ trên thị trường chứng khoán khi Giấy phép mà Ngân hàng Nhà nước cấp cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có nội dung mua, bán trái phiếu Chính phủ.

3. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán, hoạt động ngân hàng giám sát, hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán khi Giấy phép mà Ngân hàng Nhà nước cấp cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có nội dung hoạt động này và ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán như sau:

a) Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán: ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán và được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chấp thuận trở thành thành viên bù trừ;

b) Đối với hoạt động ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán: ngân hàng thương mại được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán;

c) Đối với hoạt động lưu ký chứng khoán: ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán và được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chấp thuận trở thành thành viên lưu ký.

4. Việc cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán là văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 152 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

5. Đối với các hoạt động liên quan đến chứng khoán, thị trường chứng khoán, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán và quy định của pháp luật có liên quan.”

4. Bổ sung điểm m vào khoản 8 Điều 36 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Thông tư số 25/2019/TT-NHNN ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN) như sau:

“m) Có văn bản kèm hồ sơ lấy ý kiến các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước về đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đối với các nội dung hoạt động phái sinh lãi suất, cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa và hoạt động lưu ký chứng khoán.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 36 (đã được bổ sung bởi điểm c khoản 4 Điều 1 Thông tư số 17/2017/TT-NHNN) như sau:

“11. Trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đối với các nội dung hoạt động phái sinh lãi suất, cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa và hoạt động lưu ký chứng khoán, các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước phải có ý kiến cụ thể bằng văn bản và nêu rõ ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý đối với hồ sơ đề nghị của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.”

Điều 2. Thay thế Phụ lục 01a và Phụ lục 01b của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN (đã được thay thế bởi khoản 6 Điều 2 Thông tư số 25/2019/TT-NHNN) bằng Phụ lục 01a và Phụ lục 01b ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2022./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu: VP, PC, TTGSNH6 (03 bản).



Đoàn Thái Sơn

PHỤ LỤC
VỀ MẪU GIẤY PHÉP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28 /2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam)

Phụ lục 01a - Mẫu Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại

Phụ lục 01b - Mẫu Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Phụ lục 01a

Mẫu Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm.....

GIẤY PHÉP

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG (loại hình....)

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 2 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam và Thông tư số..... sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN;

Xét đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động (Ngân hàng thương mại, Ngân hàng liên doanh, Ngân hàng 100% vốn nước ngoài)..... và hồ sơ kèm theo (đối với trường hợp cấp Giấy phép thành lập mới)/Xét đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động (Ngân hàng thương mại, Ngân hàng liên doanh, Ngân hàng 100% vốn nước ngoài)..... và hồ sơ kèm theo (đối với trường hợp cấp đổi);

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng..... ngày.... (đối với trường hợp cấp Giấy phép thành lập mới);

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép thành lập (Ngân hàng thương mại, Ngân hàng liên doanh, Ngân hàng 100% vốn nước ngoài)..... như sau: (đối với trường hợp cấp Giấy phép thành lập mới)/cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động số..... ngày..... cho Ngân hàng..... như sau (đối với trường hợp cấp đổi Giấy phép):

1. Tên Ngân hàng:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:.....;
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:.....;
- Tên giao dịch (hoặc tên viết tắt):.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điều 2. Vốn điều lệ của Ngân hàng..... là..... (bằng chữ:.....)

Điều 3. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng..... là..... năm (đối với trường hợp cấp Giấy phép thành lập mới)/Thời hạn hoạt động của Ngân hàng... là..... năm (là thời hạn hoạt động được quy định tại Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp trước đây) kể từ ngày..... (là ngày hiệu lực của Giấy phép được Ngân hàng Nhà nước cấp trước đây) (đối với trường hợp cấp đổi Giấy phép).

Điều 4. Nội dung hoạt động

Ngân hàng..... được thực hiện các hoạt động của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động sau đây:

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.

2. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:

a) Cho vay;

b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;

c) Bảo lãnh ngân hàng;

d) Phát hành thẻ tín dụng;

đ) Bao thanh toán trong nước;

3. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.

4. Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước:

a. Cung ứng phương tiện thanh toán;

b. Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.

5. Mở tài khoản:

a) Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.

6. Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.

7. Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.

8. Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.

9. Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.

10. Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.

11. Dịch vụ môi giới tiền tệ.

12. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

13. Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

14. Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

15. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

16. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

17. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.

18. Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh về tỷ giá, lãi suất, ngoại hối, tiền tệ, tài sản tài chính khác trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế.

19. Lưu ký chứng khoán.

20. Kinh doanh vàng miếng.

21. Ví điện tử.

22. Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.

23. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.

24. Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán.

25. Ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán.

26. Các hoạt động khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận).

Điều 5. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng..... phải tuân thủ pháp luật Việt Nam.

Điều 6. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký (đối với trường hợp cấp Giấy phép thành lập mới)/Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng số..... ngày....., kèm các văn bản chấp thuận có liên quan việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép (đối với trường hợp cấp đổi).

Điều 7. Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng...../Giấy phép cấp đổi cho Ngân hàng..... được lập thành năm (05) bản chính: một (01) bản cấp cho Ngân hàng.....; một (01) bản để đăng ký kinh doanh; ba (03) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (một bản lưu tại Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, một bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh....., một bản lưu tại hồ sơ cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng/hồ sơ cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng.....).

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- UBND tỉnh/TP.....;
- Bộ Công an;
- Bộ Kế hoạch và đầu tư;
- Lưu: VP, TTGSNH.

THỐNG ĐỐC

Phụ lục 01b

VỀ MẪU GIẤY PHÉP THÀNH LẬP CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI

Phụ lục 01b1 - Mẫu Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài
(do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp)

Phụ lục 01b2 - Mẫu Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài
(do Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh cấp)

Phụ lục 01b1

Mẫu Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài (do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp)

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

Số: /GP-NHNN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm.....

GIẤY PHÉP

THÀNH LẬP CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam và Thông tư số..... sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN;

Xét đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài của Ngân hàng..... và hồ sơ kèm theo (đối với trường hợp cấp Giấy phép thành lập mới)/Xét đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài của Ngân hàng..... (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) và hồ sơ kèm theo (đối với trường hợp cấp đổi);

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài của Ngân hàng..... ngày.... (đối với trường hợp cấp Giấy phép thành lập mới);

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Ngân hàng....., quốc tịch....., có trụ sở chính tại..... được thành lập chi nhánh tại....., Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam như sau (đối với trường hợp cấp Giấy phép thành lập mới)/cấp đổi Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài số..... ngày..... cho Ngân hàng..... như sau (đối với trường hợp cấp đổi):

1. Tên chi nhánh:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:.....;
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:.....;
- Tên giao dịch (hoặc tên viết tắt):.....

2. Địa chỉ trụ sở:.....

Điều 2. Vốn được cấp của Ngân hàng... - Chi nhánh.... là..... (bằng chữ:.....).

Điều 3. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng... - Chi nhánh..... là..... năm (đối với trường hợp cấp Giấy phép thành lập mới)/Thời hạn hoạt động của Ngân hàng... - Chi nhánh..... là..... năm (là thời hạn hoạt động được quy định tại Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp trước đây) kể từ ngày..... (là ngày hiệu lực của Giấy phép được Ngân hàng Nhà nước cấp trước đây) (đối với trường hợp cấp đổi).

Điều 4. Nội dung hoạt động

Ngân hàng..... - Chi nhánh.... được thực hiện các hoạt động của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động sau đây:

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.

2. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:

- a) Cho vay;
 - b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
 - c) Bảo lãnh ngân hàng;
 - d) Phát hành thẻ tín dụng;
 - đ) Bao thanh toán trong nước;
3. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
4. Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước:
- a. Cung ứng phương tiện thanh toán;
 - b. Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.
5. Mở tài khoản:
- a) Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.
6. Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
7. Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
8. Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
9. Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.
10. Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.
11. Dịch vụ môi giới tiền tệ.
12. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
13. Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
14. Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

15. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

16. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.

17. Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh về tỷ giá, lãi suất, ngoại hối, tiền tệ, tài sản tài chính khác trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế.

18. Lưu ký chứng khoán.

19. Kinh doanh vàng miếng.

20. Ví điện tử.

21. Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.

22. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.

23. Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán.

24. Các hoạt động khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận).

Điều 5. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng... - Chi nhánh..... phải tuân thủ pháp luật Việt Nam.

Điều 6. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký (đối với trường hợp cấp Giấy phép thành lập mới)/ Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài số.... ngày... kèm các văn bản chấp thuận có liên quan việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép (đối với trường hợp cấp đổi).

Điều 7. Giấy phép thành lập Ngân hàng... - Chi nhánh...../Giấy phép cấp đổi cho Ngân hàng... - Chi nhánh.... được lập thành năm (05) bản chính: một (01) bản cấp cho Ngân hàng... - Chi nhánh.....; một (01) bản để đăng ký kinh doanh; ba (03) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; (một bản lưu tại Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, một bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/thành phố....., một bản lưu tại hồ sơ cấp Giấy phép thành lập Ngân hàng..... - Chi nhánh...../hồ sơ cấp đổi Giấy phép thành lập Ngân hàng... - Chi nhánh.....).

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- UBND tỉnh/TP.....;
- Bộ Công an;
- Bộ Kế hoạch và đầu tư;
- Lưu: VP, TTGSNH.

THÔNG ĐỌC

Phụ lục 01b2

Mẫu Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài (do Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh cấp)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
CHI NHÁNH...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../GP-.....

..., ngày tháng năm....

GIẤY PHÉP

THÀNH LẬP CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI

GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH TỈNH/THÀNH PHỐ...

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam và Thông tư số..... sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN;

Xét đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài của Ngân hàng..... (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố) và hồ sơ kèm theo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Ngân hàng....., quốc tịch....., có trụ sở chính tại..... được cấp đổi Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài số..... ngày..... cho Ngân hàng..... như sau:

1. Tên chi nhánh:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:.....;
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:.....;
- Tên giao dịch (hoặc tên viết tắt):.....

2. Địa chỉ trụ sở:.....

Điều 2. Vốn được cấp của Ngân hàng... - Chi nhánh.... là..... (bằng chữ:.....).

Điều 3. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng... - Chi nhánh..... là..... năm (là thời hạn hoạt động được quy định tại Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp trước đây) kể từ ngày..... (là ngày hiệu lực của Giấy phép được Ngân hàng Nhà nước cấp trước đây).

Điều 4. Nội dung hoạt động

Ngân hàng..... - Chi nhánh.... được thực hiện các hoạt động của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động sau đây:

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.

2. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:

a) Cho vay;
b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;

c) Bảo lãnh ngân hàng;

d) Phát hành thẻ tín dụng;

đ) Bao thanh toán trong nước;

3. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.

4. Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước:

a. Cung ứng phương tiện thanh toán;

b. Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.

5. Mở tài khoản:

a) Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.

6. Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.

7. Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.

8. Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.

9. Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.

10. Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.

11. Dịch vụ môi giới tiền tệ.

12. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

13. Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

14. Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

15. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

16. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.

17. Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh về tỷ giá, lãi suất, ngoại hối, tiền tệ, tài sản tài chính khác trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế.

18. Lưu ký chứng khoán.

19. Kinh doanh vàng miếng.

20. Ví điện tử.

21. Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.

22. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.

23. Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán.

24. Các hoạt động khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận).

Điều 5. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng... - Chi nhánh..... phải tuân thủ pháp luật Việt Nam.

Điều 6. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài số.... ngày... kèm các văn bản chấp thuận có liên quan việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép.

Điều 7. Giấy phép cấp đổi cho Ngân hàng... - Chi nhánh.... được lập thành năm (05) bản chính: một (01) bản cấp cho Ngân hàng... - Chi nhánh.....; một (01) bản để đăng ký kinh doanh; ba (03) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/thành phố...

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Thống đốc NHNN;
- UBND tỉnh/TP.....;
- Bộ Công an;
- Bộ Kế hoạch và đầu tư;
- Lưu:

GIÁM ĐỐC

